

Bản án số: 04/2022/HNGĐ-ST.
Ngày: 11 - 3 - 2022
“V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Văn Thắng.

Ông Võ Văn Thỏ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Lý Văn Hiếu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 120/2021/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 7 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 07/02/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2022/QĐST-HNGĐ ngày 28/02/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1987 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Anh **Lê Thành N**, sinh năm 1988 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:**

Chị và anh Lê Thành N có tổ chức đám cưới với nhau. Sau đó, hai người tự nguyện đi đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 29/9/2014. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau rất vui vẻ, hạnh phúc và có 01 người con chung tên Lê Gia H, sinh ngày 24/6/2014, hiện con chung đang sống chung với gia đình của anh N. Thời gian gần đây thì giữa chị với anh N phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan

điểm trong lối sống, thường xuyên xảy ra cự cãi với nhau nên hai người đã ly thân từ hơn một năm nay. Trong quá trình chung sống thì giữa chị với anh N không có tài chung, nợ chung. Nay nhận thấy giữa chị với anh N không còn tình cảm nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về hôn nhân: chị xin được ly hôn với anh Lê Thành N.

- Về con chung: chị đồng ý giao con chung tên Lê Gia H, sinh ngày 24/6/2014 cho anh N nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng của vợ chồng khi ly hôn: Tự thỏa thuận, không yêu cầu xem xét và giải quyết.

*** Tại phiên tòa bị đơn anh Lê Thành N trình bày:**

Anh thống nhất với lời trình của chị Nguyễn Thị T về quan hệ hôn nhân, con chung và tài sản chung. Do cuộc sống vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên mâu thuẫn nên giữa anh và chị T đã ly thân hơn một năm nay. Nay chị T yêu cầu ly hôn thì anh cũng đồng ý. Về con chung anh đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Gia H, sinh ngày 24/6/2014 anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung và cấp dưỡng vợ chồng khi ly hôn tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Quan điểm kiểm sát của đại diện Viện kiểm sát như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng và đầy đủ các quy định về xác định thẩm quyền, thu thập chứng cứ, yêu cầu đương sự cung cấp chứng cứ, thủ tục tổng đạt văn bản tố tụng, thời hạn chuẩn bị xét xử; Đồng thời tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) và Thư ký tuân thủ trình tự tố tụng tại phiên tòa. Về nội dung: Về hôn nhân đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T về việc xin ly hôn với anh N; Về con chung đề nghị HĐXX giao con chung tên Lê Gia H, sinh ngày 24/6/2014 cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành; Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung, nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn các đương sự không yêu cầu nên đề nghị HĐXX không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con chung đồng thời bị đơn có địa chỉ ấp M, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng nên xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn (có đơn xin xét xử vắng mặt). Nên HĐXX căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn thống nhất cả hai đều tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 29/9/2014. Lời trình bày của các đương sự

phù hợp với tài liệu đã cung cấp là giấy chứng nhận kết hôn số 122/2014 ngày 29/9/2014 (BL 09) nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Theo nguyên đơn trình bày do cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên hiện giữa hai người đã ly thân với nhau hơn một năm nay. Xét thấy, vợ chồng có nghĩa vụ sống chung, thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, do cuộc sống của vợ chồng của nguyên đơn và bị đơn thường xuyên phát sinh mâu thuẫn làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Đồng thời, tại phiên tòa bị đơn cũng đồng ý ly hôn với nguyên đơn. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 51, Điều 55 và khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình HĐXX chấp nhận nguyên đơn được ly hôn với bị đơn.

[4] *Về con chung*: Các đương sự đều thừa nhận có 01 người con chung tên Lê Gia H, sinh ngày 24/6/2014, hiện con chung đang sống với bị đơn. Nguyên đơn đồng ý giao con chung cho bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Xét thấy, hiện con chung có cuộc sống ổn định cùng với bị đơn. Đồng thời, bị đơn cũng đồng ý nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành. Ngoài ra, theo nguyện vọng của con chung là khi cha mẹ ly hôn thì muốn sinh sống với cha. Do đó, HĐXX giao con chung tên Lê Gia H, sinh ngày 24/6/2014 cho bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Dành quyền cho nguyên đơn được chăm sóc, nuôi dưỡng, thăm nom con chung mà không ai được cản trở nguyên đơn thực hiện quyền này.

[5]. *Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con*: Nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[6]. *Về tài sản chung, nợ chung, nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn*: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[7]. Đề nghị của vị Kiểm sát viên về hướng giải quyết vụ án nêu trên là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong vụ án và đúng quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[8] *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án..

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 271 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 55, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình và điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T được ly hôn với bị đơn anh Lê Thành N.

2. Về con chung: Giao con chung tên Lê Gia H, sinh ngày 24/6/2014 cho anh Lê Thành N trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 (mười tám) tuổi.

Dành quyền cho chị Nguyễn Thị T được chăm sóc, nuôi dưỡng, thăm nom con chung mà không ai được cản trở chị T thực hiện quyền này.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra xem xét.

4. Về tài sản chung, nợ chung, nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra xem xét.

5. Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0001060 ngày 09/7/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- UBND xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Phước Toàn